

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024), quy định:

**“Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội**

...

**2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:**

**“3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương đảm bảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:**

...

**b. Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.”.**

## 2. Cơ sở thực tiễn

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định: *“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”*.

- Trước sáp nhập, Hội đồng nhân dân 03 đơn vị thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang đã có ban hành 04 Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ<sup>1</sup>.

- Sau sáp nhập, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng. Trong đó, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân 03 đơn vị thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang đều còn hiệu lực thực hiện (01 Nghị quyết được lựa chọn tiếp tục áp dụng và 03 Nghị quyết có hiệu lực theo từng khu vực). Vì vậy, cần thiết ban hành Nghị quyết mới vừa bảo đảm điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố, vừa có tính kế thừa nhằm tiếp tục thực hiện các chính sách cho các đối tượng khó khăn của 03 đơn vị trước sáp nhập.

Từ những cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên thì việc trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và có cơ sở.

## II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

### 1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày

<sup>1</sup> **Thành phố Cần Thơ (cũ):** Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 12/12/2024); **tỉnh Sóc Trăng:** Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng khó khăn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; **tỉnh Hậu Giang:** Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ làm cơ sở để thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, giúp các đối tượng, gia đình đối tượng giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, góp phần vào công tác bảo đảm an sinh xã hội của thành phố.

## **2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết**

- Việc xây dựng phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành. Chỉ quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của thành phố, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định.

- Việc quy định đối tượng, chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn thành phố phải phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tại Nghị quyết số 226/NQ-TT ngày 28 tháng 10 năm 2025 ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết Luật của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Công văn số 2258/UBND-NC ngày 10/11/2025, giao Sở Y tế xây dựng dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, đảm bảo chuẩn bị đầy đủ hồ sơ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố, cụ thể:

Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Phối hợp với Văn phòng UBND thành phố đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của thành phố và tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Y tế đã hoàn chỉnh các dự thảo nêu trên và gửi hồ sơ theo quy định đến Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại khoản 1 Điều 45 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Y tế đã tiếp thu, điều chỉnh. Sau đó, dự thảo Nghị quyết đã được lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, qua đó, thành viên Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, thông qua.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành.

##### **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**

###### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

###### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng khó khăn trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương được ngân sách nhà nước cấp kinh phí để thực hiện chính sách và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

**Điều 2. Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội**

###### **1. Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng**

a) Người bị bệnh hiểm nghèo thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

b) Trẻ em dưới 03 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn không phải là vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn.

c) Trẻ em thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo mắc bệnh hiểm nghèo hoặc phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

d) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo.

đ) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, người còn lại mắc bệnh hiểm nghèo.

e) Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ (cha hoặc mẹ chết do nhiễm COVID - 19) *thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình.*

g) Trẻ em còn cha và mẹ nhưng cả cha và mẹ không còn cư trú ở địa phương từ 24 tháng trở lên, được cấp có thẩm quyền xác nhận và người nuôi dưỡng trẻ em là người cao tuổi hoặc thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

h) Trẻ em có cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù giam và người còn lại thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, *hộ có mức sống trung bình.*

i) Trẻ em có cha và mẹ là người khuyết tật mức độ nặng hoặc đặc biệt nặng.

k) Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định pháp luật về người khuyết tật là thế hệ thứ ba (cháu nội, cháu ngoại) của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng theo quy định của chính sách, pháp luật về ưu đãi đối với người có công với cách mạng.

## 2. Mức hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng

Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số tương ứng quy định như sau:

a) Hệ số 1,0 đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (*tương ứng số tiền 500.000 đồng/tháng*).

b) Hệ số 1,5 đối với đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều này (*tương ứng số tiền 750.000 đồng/tháng*).

c) Đối với đối tượng tại điểm c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều này:

- Hệ số 2,5 đối với đối tượng dưới 04 tuổi (*tương ứng số tiền 1.250.000 đồng/tháng*);

- Hệ số 1,5 đối với đối tượng từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi (*tương ứng số tiền 750.000 đồng/tháng*).

d) Đối với đối tượng tại điểm k khoản 1 Điều này:

- Hệ số 2,5 đối với người khuyết tật mức độ nặng (*tương ứng số tiền 1.250.000 đồng/tháng*);

- Hệ số 3,0 đối với người khuyết tật mức độ đặc biệt nặng (*tương ứng số tiền 1.500.000 đồng/tháng*).

- Người khuyết tật đã hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng theo Nghị quyết này thì không hưởng chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

### 3. Đối tượng hưởng trợ giúp xã hội khẩn cấp, đột xuất

a) Trẻ em bị xâm hại tình dục; trẻ em dưới 06 tuổi được sinh ra từ mẹ là trẻ em bị xâm hại tình dục.

b) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bóc lột; trẻ em bị tai nạn thương tích dẫn đến khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng.

c) Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực.

d) Trẻ em lang thang kiếm sống khi chưa hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

*đ) Trẻ em thuộc hộ nghèo, cận nghèo, trẻ em là dân tộc thiểu số, trẻ em đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội mắc bệnh hiểm nghèo, mắc bệnh tim bẩm sinh mà chi phí điều trị vượt quá khả năng chi trả, điều kiện kinh tế của gia đình, phải điều trị dài ngày theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.*

### 4. Mức trợ giúp xã hội khẩn cấp, đột xuất

Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp, đột xuất 01 lần bằng tiền mặt, mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội (*tương ứng 10.000.000 đồng*).

### 5. Đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội

a) Người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng có nơi nương tựa, *thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, có hành vi gây nguy hiểm cho bản thân, gia đình và cộng đồng.*

*b) Người cao tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.*

*c) Các đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, được các cơ sở trợ giúp xã hội tiếp nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đã quá 03 tháng mà không thể đưa đối tượng trở về gia đình, cộng đồng.*

### 6. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội

Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024*).

7. Hỗ trợ chi phí mai táng: đối tượng được quy định tại *khoản 1, khoản 3 Điều này* khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng bằng tiền mặt. Mức hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội.

8. Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế: đối tượng được hưởng trợ cấp thường xuyên hàng tháng tại khoản 1 Điều này được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ đóng bằng với mức đóng bảo hiểm y tế đối với đối tượng đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định của nhà

nước. Trường hợp đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế ở nhiều đối tượng khác nhau thì chỉ được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế ở đối tượng có quyền lợi bảo hiểm y tế cao nhất.

9. Các chính sách trợ giúp xã hội khác được thực hiện theo quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 *(được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024)*.

## **V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH: không có.**

## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA**

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản:

a) Dự kiến nguồn lực: từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp;

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản: Sau khi Nghị quyết được thông qua, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ giao cơ quan chuyên môn triển khai thực hiện.

2. Thời gian trình thông qua Hội đồng nhân dân thành phố: Dự kiến trình tại kỳ họp thường lệ tháng 6 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng khó khăn chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

*(Hồ sơ trình Nghị quyết bao gồm: dự thảo Tờ trình; dự thảo văn bản; bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; báo cáo thẩm định; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định)*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HC, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**